

Số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức
Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXX-ST ngày 6/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ)

Địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N, trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng T, kết hôn ngày 9/03/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Nguyễn Đăng T có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng hòa thuận, hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế gia đình năm 2015 anh T quyết định làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại hỏi thăm sức khỏe, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Do điều kiện 02 vợ chồng sinh sống quá xa cho nên giữa chị và anh T việc hỏi thăm nhau thưa dần. Mỗi lần điện thoại cho nhau, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không tiếp tục nói chuyện được nữa, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng mỗi người ở một nơi chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Nguyễn Đăng Hải D, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Hải C, sinh ngày 26/11/2012. Hiện nay 02 con chung do chị nuôi dưỡng, chăm sóc, vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng T không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2022 và 24/5/2022, chị Nguyễn Thị T là chị gái anh T cung cấp: Anh Nguyễn Đăng T hiện nay đang lao động, cư trú ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm gia đình qua điện thoại, gia đình chị có thông báo cho anh T biết về việc chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin ly hôn anh T, anh cũng đồng ý đơn xin ly hôn của chị N. Gia đình chị đã nhiều lần hỏi về địa chỉ cụ thể thì anh T ở Đài Loan, nhưng anh T không cung cấp, nên chị không cung cấp được cho Tòa án.

Cháu Nguyễn Thị Hải C, cháu Nguyễn Đăng Hải D có đơn trình bày: Các cháu đều có nguyện vọng ở cùng mẹ Nguyễn Thị Hồng N nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Đăng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Hồng N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Đăng T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Đăng T được ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cháu Nguyễn Đăng Hải D, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Hải C, sinh ngày 26/11/2012 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đăng T. Theo Công văn trả lời số 9958/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 13/5/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Nguyễn Đăng T xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh lần gần đây nhất là ngày 23/6/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh T được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn chị N, chị Nguyễn Thị T là chị gái của anh T xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị N, anh T đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Hồng N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đăng T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã lập biên bản với chị gái của anh T là chị Nguyễn Thị T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Thủy thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Đăng T. Chị T cho biết anh T em trai chị vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Đăng T kết hôn ngày 9/03/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh T chung sống hòa thuận. Đến năm 2018 anh T xuất cảnh ra nước ngoài. Do hai vợ chồng sống cách xa nhau, không có sự thăm hỏi chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T. Như vậy, vợ chồng chị N, anh T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Hải D, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Hải C, sinh ngày 26/11/2012. Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị N. Chị đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh T đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T từ khi đi nước ngoài hai con chung vẫn do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra, hai con chung là cháu Dương và cháu Châu trên bảy tuổi đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N. Nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung là cháu Nguyễn Đăng Hải D, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Hải C, sinh ngày 26/11/2012 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền, lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu D và cháu C. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Đăng T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Nguyễn Đăng T về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Đăng T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Hải D, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Hải C, sinh ngày 26/11/2012 cho chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh

Nguyễn Đăng T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000403 ngày 4/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng T ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L; tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

